

Số: 145/2024/QĐST-DS

Mỹ Đức, ngày 06 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 115/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1)

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S - A P - phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Theo Pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; chức vụ: TGD ngân hàng TMCP Q.

Đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện: Ông Trần Thành C; chức vụ: Giám đốc THN TT và XLN – Trung tâm QLN NHBL 2 khối ngân hàng bán lẻ VIB.

Ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hải H; Cán bộ của ngân hàng

2. Bị đơn Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987.

Chị Lê Thị Hồng H1, sinh năm 1994

Đều địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội.

3./ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị N sinh năm 1959

Địa chỉ: Đ, T, thị trấn Đ, huyện M, TP ..

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về khoản nợ và dư nợ, tài sản thế chấp, các bên thống nhất trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (V1) đã ký với ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Hồng H1 02 Hợp đồng tín dụng và đề nghị phát hành thẻ cụ thể như sau:

2.1.1/ Hợp đồng tín dụng số: 4019681.20 ngày 24/11/2020 với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Hồng H1 vay số tiền 763.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Vay mua 01 xe ô tô Mazda; thời hạn vay: 96 tháng 25/11/2020 đến 25/11/2028; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 8,9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,5%/năm và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay). Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. trả khoản tín dụng gốc vào ngày 25 hàng tháng. Số tiền gốc trả đều hàng tháng là 7.947.917 VND, số còn lại trả vào cuối kỳ ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/11/2020. Hoàn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Ngày 25/11/2020, V1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Hồng H2 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 4019681(1).20 ngày 24/11/2020 số tiền 763.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 16/10/2023 và được chuyển quá hạn. Tạm tính đến ngày 23/08/2024, tổng nợ là 580.980.977 đồng, trong đó nợ gốc là 492.529.389, nợ lãi trong hạn: 39.236.033 đồng, lãi quá hạn 49.215.555 đồng.

2.1.2./ Hợp đồng tín dụng số: 4958621.21 ngày 10/3/2021 với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Hồng H1 vay số tiền 360.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu; thời hạn vay: 96 tháng 19/3/2021 đến 18/3/2029; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 11,7%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,3%/năm. trả khoản tín dụng gốc: Vào ngày 15 hàng tháng. Số tiền gốc trả đều hàng tháng là 3.750.000 VND, ngày trả gốc đầu tiên: 15/4/2021, số tiền gốc còn lại trả vào ngày đáo hạn khoản vay. Hoàn trả lãi vào ngày 15 hàng tháng dư nợ thực tế, ngày trả lãi đầu tiên: 15/4/2021; đến ngày 18/3/2021, V1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Hồng H1 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 4958621(1).21 ngày 10/3/2024 số tiền 360.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 16/10/2023 và được chuyển quá hạn. Tạm tính đến ngày 23/08/2024, tổng nợ là 289.741.517 đồng, trong đó nợ gốc là 247.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.236.626 đồng, lãi quá hạn 23.004.891 đồng.

2.1.3/ Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm HD mở và sử dụng tài khoản ngày 1/12/2020, hạn mức 71.000.000 đồng, áp dụng mức lãi suất 39,5%/năm.

Quá trình thực hiện bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 16/10/2023 và được chuyển quá hạn. Tạm tính đến ngày 23/08/2024, tổng nợ là 87.610.708 đồng, trong đó nợ gốc là 53.565.308 đồng, nợ lãi trong hạn: 15.079.306 đồng, phí thẻ là 18.966.094 đồng.

Tổng cộng của 03 khoản vay trên, tạm tính đến ngày 23/08/2024, ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Hồng HI đã trả cho V1 số tiền là: 694.794.528 đồng trong đó đã trả gốc: 382.970.611 đồng, lãi: 310.206.066 đồng; lãi quá hạn: 1.617.851 đồng. Tổng nợ còn lại số tiền là: 958.333.202 đồng cụ thể:

Đơn vị: đồng

Hợp đồng tín dụng	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn/ Nợ phí	Tổng
4019681.20 ngày 24/11/2020	492.529.389	39.236.033	49.215.555	580.980.977
tổng cộng của 03 khoản vay trên	247.500.000	19.236.626	23.004.891	289.741.517
Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm HD mở và sử dụng tài khoản ngày 1/12/2020	53.565.308	15.079.306	18.966.094	87.610.708
Tổng	793.594.697	73.551.965	91.186.540	958.333.202

2.2./ **Tài sản thế chấp** là Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 02; tại địa chỉ: Thị trấn T, huyện M, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S 173099, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: 16384.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 28/01/2002 cho Hộ Phạm Thị N. Ngày 08/01/2021, Văn phòng Đ – Chi nhánh huyện M đăng ký sang tên cho bà Phạm Thị N, hồ sơ số 210108-0025. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 01391.21; Quyền số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1, thành phố Hà Nội công chứng ngày 10/3/2021.

2.3./ **Về phương án trả nợ**: Các bên thống nhất thỏa thuận: Đến hết ngày 29/9/2024, các bị đơn sẽ tất toán toàn bộ 03 khoản dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 4019681.20 ngày 24/11/2020; Hợp đồng tín dụng số 4958621.21 ngày 10/3/2021 và Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm HD mở và sử dụng tài khoản ngày 1/12/2020 cho Ngân hàng TMCP Q.

Kể từ ngày 24/8/2024, anh **T** và chị **H1** vẫn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn của 03 khoản vay trên cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đã ký.

2.4/ **Về xử lý tài sản thế chấp:** Nguyên đơn, các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà **Phạm Thị N** nhất trí thỏa thuận: toàn bộ tài sản thế chấp là của bà **Phạm Thị N**, không liên quan đến ai khác. Trong trường hợp **bị đơn** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho **V1** theo phương án đã thỏa thuận trả nợ trên, thì **Ngân hàng TMCP Q** có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 02; tại địa chỉ: **Thị trấn T, huyện M, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội)** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S 173099, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: 16384.QSDD do **Ủy ban nhân dân huyện M** cấp ngày 28/01/2002 cho Hộ **Phạm Thị N**. Ngày 08/01/2021, **Văn phòng Đ – Chi nhánh huyện M** đăng ký sang tên cho bà **Phạm Thị N**, hồ sơ số 210108-0025. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 01391.21; Quyền số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn phòng C1**, thành phố Hà Nội công chứng ngày 10/3/2021. (chi tiết theo Hợp đồng thế chấp).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với **V1**. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì các bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho **V1**.

2.5./ **Án phí:** chấp nhận sự tự nguyện của các bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật số tiền là **20.374.998** đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho **Ngân hàng TMCP Q** số tiền 18.900.000 đồng theo biên lai số 0007981 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *Tòa án ND Tp. Hà Nội.*
- *VKSND huyện Mỹ Đức;*
- *Chi cục THA Mỹ Đức;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã

được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).